

BÁO CÁO

S N XU T, XU T KH U TH Y S N VI T NAM 5 THÁNG U N M 2013

I. T NG QUAN TÌNH HÌNH S N XU T VÀ XK TH Y S N

1. S n xu t

Theo báo cáo c a B NN & PTNT, c tính t ng s n l ng th y s n c a c n c 5 tháng u n m 2013 t 2,1 tri u t n, t ng 0,7% so v i cùng k 2012. Trong ó, s n l ng thu s n khai thác c t 1,1 tri u t n, t ng 2,6%. S n l ng th y s n nuôi c t 1 tri u t n, gi m 1%.

K t qu s n xu t th y s n 5 tháng u n m 2013 (ngh ìn t n)			
	T1-5/2012	T1-T5/2013	% t ng, gi m
T ng s n l ng	2074,5	2.090	0,7
S n l ng khai thác	1059,9	1.087	2,6
Khai thác bi n	996	1.020	2,4
Khai thác n i a	63,9	67	4,9
S n l ng nuôi tr ng	1014,6	1.003	-0,1

Ngu n: B NN và PTNT

2. Xu t kh u

XK th y s n c a c n c 5 tháng u n m c t 2,28 t USD, gi m 2,6% so v i cùng k n m ngoái.

Trong 5 tháng qua, XK th y s n không n nh, trong ó gi m m nh nh t vào tháng 2 (-30%) sau khi t ng trên 34% vào tháng 1 và ti p t c gi m 17% vào tháng 3. B c sang tháng 4 và tháng 5, XK b t u có xu h ng h i ph c so v i cùng k n m ngoái, m c dù m c t ng tr ng th p (2 - 5%). Nhu c u th tr ng th gi i b t u t ng tr l i và ngu n nguyên li u trong n c (tôm, cá tra, cá ng) c ng ang h i ph c.

B n nguyên nhân chính khi n XK th y s n gi m trong 5 tháng u n m 2013 là:

1. Ngu n cung nguyên li u không n nh
2. Nhu c u NK t i các th tr ng chính s t gi m do nh h ng suy thoái kinh t
3. Các rào c n k thu t và thu quan t i các th tr ng NK ch l c nh : thu ch ng bán phá giá (CBPG) cá tra POR8, thu ch ng tr c p (CVD) tôm t i M , rào c n Ethoxyquin t i Nh t B n và Hàn Qu c
4. Nhi u DN ng ng ho t ng ho c thu h p quy mô s n xu t do n t hàng th p, thi u v n, chi phí s n xu t t ng và thi u chính sách h tr t nhà n c.

S n ph m

XK tôm có xu h ng t ng trong 2 tháng 4 và 5 (7 - 9%) do ngu n tôm nguyên li u ã h i ph c vì vào v thu ho ch. Tôm chi m t tr ng cao nh t, 37% v i trên 800 tri u USD, t ng kho ng 4% so v i cùng k n m ngoái, XK cá tra ng th 2 v i t tr ng 29%, giá tr 670 tri u USD, gi m g n 7%.

DN nuôi và ch bi n cá tra v ng p khó kh n v ngu n v n, ngu n nguyên li u không n nh, nhu c u th tr ng gi m và áp l c rào c n thu quan.

Khó khăn lớn nhất của XK tôm không còn là tình trạng thiếu hụt nguyên liệu do dịch bệnh mà là áp lực của rào cản thuế CBPG và thuế CVD của B Th ng m i M (DOC). Kết quả số thuế CVD mà DOC mới thông báo ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý, chi phí và lợi ích kinh doanh của DN tôm Việt Nam. Ngoài ra, rào cản Ethoxyquin tại Nhật Bản và Hàn Quốc tiếp tục chi phí XK sang 2 thị trường này.

Các ngành có xu hướng rất khó khăn năm 2012 với các thị trường XK trung bình hàng tháng trên 50%, nhưng tháng 3 đã có dấu hiệu suy giảm với 16% và tiếp tục giảm 16% trong tháng 5, dẫn đến tình trạng XK các ngành 5 tháng đầu năm chỉ tăng 10% so với cùng kỳ năm ngoái, với tổng trị giá 251 triệu USD. Nguyên nhân chính là nhu cầu của các thị trường đã bão hòa sau khi tăng quá mạnh trong năm 2011 và cạnh tranh năm 2012. Theo các DN XK các ngành, lượng tồn kho sản phẩm này hiện nay tại các nước NK rất lớn, giá cả xuống thấp. Hơn nữa nguồn cung trong nước hiện chủ yếu là sản phẩm cá ngừ đi đường câu tay, chất lượng và giá cả không phù hợp với nhu cầu của các nhà NK trong giai đoạn này.

XK mực, bạch tuộc giảm mạnh nhất, 25% với giá trị 154 triệu USD. Trong năm 2012, mực, bạch tuộc đã bị ảnh hưởng vì thị trường cho các ngành trong các thị trường chính XK và sang năm 2013 tiếp tục suy giảm.

Các thị trường cá biển khác và sản phẩm cá biển như cá, surimi cũng giảm theo các ngành sau khi tăng mạnh vào năm 2012. XK trong tháng 3 giảm mạnh 28%, tháng 4 hồi phục nhẹ, sang tháng 5 giảm tiếp 10% nên tình trạng XK 5 tháng giảm gần 4%, trị giá 312 triệu USD. Chi phí khai thác tăng, ngành khai thác hải sản và chất lượng sản phẩm sau thu hoạch thấp làm giảm sản lượng chủ yếu XK các thị trường cá biển, trong đó có cá ngừ.

Sản phẩm thủy sản xuất khẩu 5 tháng đầu năm 2013 (triệu USD)		
Sản phẩm	Chỉ số 1/1 năm 31/5/2013 (GT)	So với cùng kỳ 2012 (%)
Tôm các loại (mã HS 03 và 16)	831,341	+4,2
trong đó: - Tôm chân trắng	313,454	+20,8
- Tôm sú	447,662	+1,5
Cá tra (mã HS 03 và 16)	671,110	-6,7
Cá ngừ (mã HS 03 và 16)	251,252	+10,2
trong đó: - Cá ngừ mã HS 16	96,594	+26,8
- Cá ngừ mã HS 03	154,659	+1,8
Cá các loại khác (mã HS 0301, 0305 và 1604, trừ cá ngừ, cá tra)	312,968	-3,6
Nhuyễn thực phẩm (mã HS 0307 và 16)	185,956	-21,5
trong đó: - Mực và bạch tuộc	153,550	-25,2
- Nhuyễn thực phẩm hai mảnh	31,786	+1,3
Cua, ghẹ (mã HS 03 và 16)	27,673	-16,9
Tổng	2.280,300	-2,6

2.2. Thị trường:

5 tháng đầu năm, Việt Nam XK thủy sản sang 149 thị trường trên thế giới. Trong đó, tiếp 10 thị trường NK lớn nhất gồm M, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Trung Quốc, ASEAN, Brazil, Mexico và Nga chiếm trên 84% tổng giá trị XK thủy sản của Việt Nam.

XK sang h u h t các th tr ng u s t gi m m nh, trong ó Nga gi m m nh nh t tr ên 53%, Hàn Qu c g n 21%, Nh t B n gi m 3%, EU gi m 10%.

Có 3 th tr ng là Brazil, Trung Qu c và ASEAN duy trì c t c t ng tr ng kh quan trong c 5 tháng, t ng 56%, 19% và 16%.

- **M** : XK sang M b t u h i ph c t tháng 4, do nhu c u t ng tr l i, c bi t là sau h i ch th y s n Boston (T3/2013). T tr ng NK c a M t **20,5%** t ng giá tr XK th y s n c a Vi t Nam, t ng so v i **19,6%** cùng k n m ngoài. M v n ti p t c ng u các th tr ng NK th y s n Vi t Nam v i **467 tri u USD**. Là th tr ng ng u v NK tô m và cá ng , ng th 2 v NK cá tra c a Vi t Nam. Tuy nhiên n m nay, Vi t Nam ã và ang ph i i phó v i rào c n thu quan c a th tr ng M : ó là k t qu b t l i thu ch ng tr giá (CVD) i v i m t hàng tô m và c a thu CBPG cá tra POR8 t ng g p nhi u l n.

- **EU**: Chi m t tr ng 18%, tr giá kho ng **406 tri u USD**. ng u v NK cá tra, ng th 2 v NK cá ng và th 3 NK tô m c a Vi t Nam. Kh ng ho ng kinh t trong khu v c khi n nhu c u tiêu th th y s n s t gi m, khi n XK các m t hàng chính sang EU trong nh ng tháng u n m ti p t c i xu ng và s khó h i ph c trong nh ng tháng ti p theo.

- **NH T B N**: ng th 3 v i giá tr NK **398 tri u USD**, chi m trên 17% t tr ng XK th y s n c a Vi t Nam. Là th tr ng tiêu th tô m và m c b ch tu c l n th 2, ng th 3 v NK cá ng c a Vi t Nam. Rào c n ethoxyquin i v i m t hàng tô m khi n cho XK tô m sang th tr ng này liên t c s t gi m t tháng 7 n m ngoài và ti p t c kéo dài sang n m nay.

- **TRUNG QU C**: T n m 2012 ã soán ngô v th 4 c a Hàn Qu c và ti p t c gi v ng v trí này trong n m nay. V i g n **176 tri u USD**, Trung Qu c chi m g n 8% t ng XK c a Vi t Nam. Trong ó, Trung Qu c NK ch y u là tô m và cá tra c a Vi t Nam.

- **HÀN QU C**: Là th tr ng ng th 5 v giá tr NK th y s n Vi t Nam. V n c coi là th tr ng t ng i n nh trong nh ng n m qua và là th tr ng tiêu th m c, b ch tu c Vi t Nam l n nh t, th tr ng tiêu th tô m ng th 5. Nh ng t cu i n m ngoài, XK sang th tr ng này có xu h ng ch ng l i và 5 tháng u n m nay s t gi m khá m nh, gi m 21% t g n **154 tri u USD**, chi m g n **7%**. T tháng 12 n m ngoài Hàn Qu c thông báo quy t nh ki m tra ethoxyquin trong tô m NK t Vi t Nam và m i ây thông báo c th m c gi i h n ki m tra là

XK th y s n sang các th tr ng chính (tri u USD)		
TH TR NG	c t 1/1 n 31/5/2013 (GT)	So v i cùng k 2012 (%)
M	467,312	+2,0
EU	405,650	-10,2
c	71,476	-4,5
Italy	54,535	-6,6
Tây Ban Nha	51,618	-10,3
Hà Lan	46,520	-19,9
Anh	42,201	2,8
Nh t B n	397,577	-3,0
TQ và HK	175,522	+18,9
H ng Kông	47,680	-13,5
Hàn Qu c	153,396	-20,8
ASEAN	143,289	+16,3
Australia	65,503	-0,7
Mexico	44,832	-1,2
Brazil	40,184	+55,9
Nga	20,567	-52,6
Các TT khác	366,470	-2,4
T NG C NG	2280,300	-2,6

0,01 ppm. Vi c này ã tác ng m nh n XK tô m c a Vi t Nam bên c nh nh ng cú s c v ethoxyquin t th tr ng Nh t B n và thu CVD c a M .

II. S NXU T VÀ XU T KH U CÁ TRA

Kim ng ch XK cá tra 5 tháng u n m 2013 c t **670 tri u USD, gi m 6,7%** so v i cùng k n m 2012. Hai th tr ng ch l c NK cá tra là EU và M chi m kho ng 45% t ng giá tr XK cá tra c a Vi t Nam. XK cá tra sang m t s th tr ng chính gi m nh EU gi m 17%, Mexico gi m 7,3%, Colombia gi m 3,4%. H u h t các th tr ng còn l i u gi t c t ng tr ng n nh i v i cá tra Vi t Nam.

1. S n xu t

S n l ng và di n tích th nuôi cá tra 5 tháng u n m 2013 gi m so v i cùng k n m 2012

T u n m n cu i tháng 5/2013, di n tích th nuôi là 2.746 ha, so v i cùng k n m 2012 b ng 70,8%, di n tích ã thu ho ch 962 ha, b ng 85,1%, s n l ng thu ho ch 293.822 t n, b ng 73,2% (n ng su t trung bình 386 t n/ha).

Giá cá tra nguyên li u dao ng t 20.000 - 22.500 ng/kg và gi m so v i 5 tháng u n m 2012

Giá cá tra nguyên li u trong quý I/2013 dao ng quanh m c 20.000 – 21.000 ng/kg, th p h n nhi u so v i 26.000 - 28.500 ng/kg c a quý I/2012. Trong hai tháng 4,5 và u tháng 6, giá cá tra ch m c 21.000 - 22.000 ng/kg, cá bi t có m t s ngày giá ch còn d i 20.000 ng/kg ho c ôi lúc m c 23.000 ng/kg.

S li u s n xu t cá tra theo báo cáo c a các a ph ng (ngu n: T ng c c Th y s n):					
STT	a ph ng	Di n tích hi n th nuôi (ha)	Di n tích ã thu ho ch (ha)	S n l ng thu (t n)	N ng su t bình quân
1	Ti n Giang	89	38	11.956	311
2	B n Tre	121	132	26.140	198
3	ng Tháp	1.297	379	142.288	375
4	V nh Long	80	-	-	
5	An Giang	219	170	58.418	343
6	C n Th	767	194	40.920	211
7	H u Giang	90	19	5.091	265
8	Sóc Tr ng	62	6	1.755	300
9	Trà Vinh	20	23	7.254	312
T ng c ng		2.746	962	293.822	305
So sánh cùng k		70,8	85,1	73,2	386

2. Xu t kh u

Th tr ng

EU: Trong 5 tháng u n m 2013, XK cá tra sang EU t 150,08 tri u USD, gi m 17,6% so v i cùng k n m 2012. Tây Ban Nha v n duy trì là n c NK cá tra nhi u nh t trong kh i EU v i giá tr t 32,9 tri u USD, gi m 15,6% so v i cùng k n m 2012; ti p n Hà Lan 24,8 tri u USD, gi m 22,8%.

Giá trung bình cá tra phiê ông l nh t i Trung tâm bán buôn Mercabarna, Tây Ban Nha c ng có xu h ng gi m t u n m n cu i quý I n m nay, nh ng l i có d u hi u t ng tr l i k t u tháng 4 n nay. Nguyên nhân khi n giá cá tra gi m m t ph n do trong th i gian này giá cá tuy t gi m m nh. Tuy nhiên, giá cá tra và th tr ng cá tra t i Châu Âu c hy v ng s n nh tr l i khi các nhà cung c p và các nhà NK quay l i th tr ng sau H i ch Th y s n Châu Âu. Trong tháng 5, giá trung bình cá tra phiê ông l nh t i Trung tâm bán buôn Mercabarna t 2,5 euro/kg, cao h n so v i 2,25 – 2,4 euro/kg c a các tháng tr c ó.

Nhi u n c Châu Âu NK cá tra s chuy n d n sang NK cá tra có ch ng nh n c a H i ng Qu n lý Nuôi tr ng th y s n (ASC) nh m qu n lý các tiêu chu n toàn c u i v i nuôi tr ng th y s n có trách nhi m. V ng n h n, v trí c a cá tra trên th tr ng có th v n c duy trì n nh ho c t ng nh .

Chứng nhận bền vững ASC cho cá tra nhím “thanh” và các loài cá thớt trảng khai thác đã chứng nhận và làm tăng tính pháp luật và phân cá tra trên thị trường khi cá minh thái Alaska cũng có chứng nhận MSC.

M : XK cá tra tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ dù mức tăng thấp hơn nhu cầu so với cùng kỳ các năm trước. 5 tháng đầu năm 2013, XK cá tra sang Mỹ đạt giá trị 150,8 triệu USD, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm 2012.

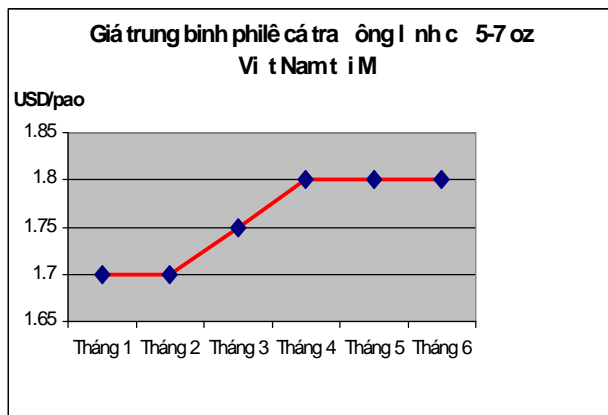
Giá trung bình cá tra phi lê công nghiệp các cảng trên thị trường Mỹ có xu hướng tăng kết thúc năm nay. Giá cá tra phi lê công nghiệp 5 - 7 oz tại Mỹ trong 6 tháng đầu năm nay dao động trong khoảng 1,7 - 1,8 USD/pao, giảm so với 1,85 - 1,96 USD/pao của cùng kỳ năm 2012. Giá cá tra phi lê công nghiệp 5 - 7 oz tại Mỹ trong các tháng 4, 5 và 6/2013 đạt 1,8 USD/pao, cao hơn so với giá của các tháng đầu năm.

Giá trung bình cá tra phi lê công nghiệp NK vào thị trường Mỹ cũng có chiều hướng giảm. Theo đó, giá cá tra phi lê công nghiệp NK vào Mỹ trong các tháng 1, 2 và 3/2013 giảm trung bình khoảng trên 10%/tháng so với cùng kỳ năm 2012.

Phân quy tắc của DOC trong POR8 bắt lợi cho DN

Ngày 14/3/2013, DOC đã thông báo quy định mới về cùng của POR8, giai đoạn từ 1/8/2010 đến 31/7/2011, thu CBPG phi lê cá tra công nghiệp NK tại Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ. Theo đó, DOC đã tăng quy định thay thế quy định gia tăng tính giá cá tra của Việt Nam tại Bangladesh thành Indonesia, dẫn đến mức thu CBPG trong quy định mới cùng tăng cao một cách vô lý. Trong quy định mới cùng của POR8, thu suất áp dụng vào mức hàng cá tra phi lê công nghiệp của các DN Việt Nam tăng trung bình gấp nhiều lần (từ 25 – 44 lần) so với mức thu suất trung bình của POR7. Bên cạnh đó, còn có 8 DN vận chuyển nguyên thu suất cũng trong POR7 vì các DN này không XK cá tra sang Mỹ trong thị trường DOC xem xét POR8.

Tuy nhiên, từ ngày 20/5/2013, DOC lại quy định tăng thêm 0,77 USD/kg thu CBPG về cá phi lê công nghiệp trong POR8 vì cho rằng đã có những sai sót trong quá trình tính toán dù mức thu công bố vào tháng 3 rất cao. Theo đó, hầu hết các công ty bán trong POR8 đều bị tăng mức thu CBPG giá từ 0,77 USD/kg (0,35 USD/pao) lên 1,29 USD/pao (0,58 USD/pao), tăng khoảng 65% so với mức thu ban đầu. Tuy nhiên, mức thu của Công



Thu suất trung bình của các DN trong POR 8			
STT	Đơn vị	Thu suất trung bình (USD/kg) - Nhập khẩu	Thu suất trung bình (USD/kg) - sau khi tính toán lại
1	Vinh Hoan Corp	0,19	0,19
2	Anvifish Co	1,34	2,39
Đơn vị nguyên			
1	An Giang Afifex	0,77	1,29
2	Acomfish	0,77	1,29
3	Bianfishco	0,77	1,29
4	Cadovimex II	0,77	1,29
5	HTFood	0,77	1,29
6	Hung Vuong Corp	0,77	1,29
7	Navico	0,77	1,29
8	NTSF Seafoods	0,77	1,29
9	QVD	0,77	1,29
10	Saigon Mekong Fishery Co., Ltd	0,77	1,29
11	South Vina	0,77	1,29
12	Vinh Quang Fisheries Corporation	0,77	1,29
Các công ty khác		2,11	2,11
Nhà XK mới			
1	An Phu Seafood Corp	1,37	
2	Docifish	3,87	
3	Godaco	1,81	
Đơn vị nguyên thu suất như trong POR7			
1	Bien Dong Seafood Company Ltd	0,03	
2	I.D.I Corp	0,00	
3	CL-Fish Corp	0,00	
4	Thien Ma Seafood Co., Ltd	0,00	
5	East Sea	0,03	
6	Caseamex	0,03	
7	Thuan An Co., Ltd	0,00	
8	Agifish	0,03	

ty CP Vĩnh Hoàn giảm giá nguyên liệu 0,19 USD/kg (0,08 USD/pao), Công ty CP Vĩnh An (Anvifish) tăng 1,34 USD/kg (0,60 USD/pao) lên 2,39 USD/kg (1,08 USD/pao).

VASEP và các DN cá tra (bên nhập nguyên liệu và bên bán thành phẩm) đã tham gia nhậm nhiệm vụ hành khải kiểm tra quy trình của POR8 lên Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh (CIT) nhằm thay thế quy trình cũ cùng với POR8.

ý ban Nông nghiệp và Thủy sản đề xuất trình thanh tra cá da trơn của Bộ Nông nghiệp và M (USDA)

ý ban Nông nghiệp và Thủy sản đề xuất thông qua Dự luật Nông nghiệp 2013 với ngân sách 940 triệu USD. Dự luật này có nhiều ưu điểm, trong đó có việc chuyển đổi quy trình thanh tra cá da trơn của USDA. Nhu cầu này của toàn thể Việt Nam thông qua, chuyển đổi quy trình thanh tra và bên chuyển đổi là gây tốn kém ngân sách quốc gia sẽ chính thức bắt đầu.

VASEP và Hiệp hội Thủy sản Việt Nam vô cùng hoan nghênh quy trình chuyển đổi quy trình thanh tra của ý ban Nông nghiệp và Thủy sản. ý ban đã đưa ra chính sách tài khóa đúng đắn và cam kết phát triển các ngành kinh tế nông thôn bằng cách bổ sung cơ hội cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam tại các thị trường XK.

3. D báo

Sản lượng cá tra nguyên liệu quý II/2013 giảm mạnh, tổng khối lượng 312 nghìn tấn cá tra nguyên liệu, bằng 80% so với cùng kỳ năm ngoái vì theo số liệu của một số doanh nghiệp nuôi cá tra BSC, diện tích nuôi cá tra trong những tháng cuối năm 2012 và đầu năm 2013 giảm mạnh, tuy nhiên với giá cá tra trong quý I thấp khi người nuôi thả vụ mới thì sản phẩm. Giá nguyên liệu dao động trong khoảng 21.000 – 23.000 đồng/kg.

Giá trị XK cá tra quý II sẽ tổng khối lượng 400 triệu USD, cao hơn giá trị XK cá tra 6 tháng đầu năm 2013 tổng khối lượng 800 triệu USD, giảm 7,3% so với 6 tháng đầu năm 2012.

Thị trường cá tra EU chưa có khả năng phục hồi mong muốn và XK cá tra sang EU khó có thể tăng trưởng trong quý II năm nay vì tình hình nền kinh tế EU vẫn chưa có khả năng phục hồi, trong khi tình hình tài chính, tiêu dùng chưa có những chuyển biến tích cực; đồng EUR mất giá so với đồng USD cũng khiến các nhà NK EU bất lợi giá trong việc thanh toán, liên hệ ngân hàng so với trước đây. XK cá tra sang Mỹ quý II sẽ tiếp tục so với quý I và có thể tăng trưởng với cùng kỳ năm 2012.

III. SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TÔM

1. Sản xuất

Tình hình sản xuất tôm khá khập khiễng trong tháng 4 và tháng 5. Theo khảo sát thị trường trong nước Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cần Thơ, vùng tôm năm nay, người nuôi đã tiến hành thả giống và thả vụ mới thì ảnh hưởng so với năm ngoái. Do đó, tổng sản lượng tôm giảm.

Ngày 26/2/2013, Tổng cục Thủy sản công bố nguyên nhân gây bệnh trên tôm là vi khuẩn Vibrio và phage (là "thực khuẩn", có một loại virus chuyên tấn công vi khuẩn, nó sống ký sinh vào thực thể vi khuẩn và cuối cùng làm tan rã vi khuẩn) gây chết và hủy hoại ngành tôm nuôi.

Các giải pháp đưa ra cho vấn đề bệnh tật phía các quan quản lý nhà nước cho năm nay vẫn chỉ dừng ở mức khuyến cáo người nuôi thả giống sạch thì vẫn, không sản xuất tôm giống trôi nổi không rõ nguồn gốc. Do vậy, dịch bệnh vẫn là mối lo ngại cho người nuôi.

2. Xuất khẩu

Thị trường

5 tháng đầu năm 2013, XK tôm của Việt Nam tăng trên 830 triệu USD, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm 2012. XK sang một số thị trường chính đã có sự phục hồi nhất định nhưng nhu cầu NK giá tăng theo chu kỳ hàng năm.

XU T KH U TÔM VI T NAM, THÁNG 1-5/2013 (tri u USD)			
TH TR NG	T 1/1 n 30/5/2013 (GT)	T I GT (%)	So v i cùng k 2012 (%)
Nh t B n	224,156	27,0	3,6
M	184,235	22,2	12,8
TQ và HK	107,483	12,9	19,1
H ng Kông	22,486	2,7	-8,2
EU	102,271	12,3	-5,6
c	24,718	3,0	-14,4
Anh	19,081	2,3	4,9
Pháp	16,371	2,0	24,1
Hàn Qu c	47,479	5,7	-24,4
Australia	35,231	4,2	0,4
Canada	31,621	3,8	30,4
ài Loan	26,237	3,2	10,5
Th y S	14,940	1,8	-7,3
ASEAN	15,074	1,8	11,4
Singapore	9,732	1,2	-3,3
Philippines	2,788	0,3	95,4
Các TT khác	42,613	5,1	-3,6
T ng	831,341	100	4,2

Xu t kh u tôm sang Nh t B n t ng tr ng tr l i sau h n 1 n m s t gi m: N m tháng u n m, XK tôm sang Nh t B n t ng 3,6%, m c t ng còn khá khiêm t n nh ng cho th y d u hi u kh quan trong XK tôm sang th tr ng này sau h n m t n m gi m sút do nh h ng c a quy nh ki m tra ch t ch ng oxyhoá Ethoxyquin c s d ng trong s n xu t th c n nuôi tôm.

M i ây, Nh t B n ã nâng m c ki m tra d l ng Trifluralin trong tôm NK t Vi t Nam t m c 0,001 ppm lên m c 0,5 ppm. Quy t nh này ph n nào giúp các DN XK tôm Vi t Nam th y “d th ” h n trong b i c nh quá nhi u rào c n và khó kh n trong XK tôm sang th tr ng này nh hi n nay.

Xu t kh u tôm sang Hàn Qu c gi m m nh do quy nh ki m tra Ethoxyquin v i m c gi i h n d l ng 0,01ppm:

- N m 2012, Hàn Qu c cùng v i Australia c coi là 2 th tr ng kh quan nh t b i giá tr XK sang ây u t ng trong khi XK sang nhi u th tr ng l n khác l i s t gi m. V i thói quen và th hi u tiêu dùng khá t ng ng v i Nh t B n nên Hàn Qu c c nhi u DN XK tôm Vi t Nam xem nh th tr ng “c u cánh” khi XK sang Nh t B n v ng ph i rào c n.
- Tuy nhiên, quy t nh c a QIA ki m tra Ethoxyquin v i m c gi i h n (0,01ppm) nh thêm gánh n ng cho các DN XK tôm Vi t Nam trong b i c nh quá khó kh n nh hi n nay.
- N m tháng u n m 2013, XK tôm sang Hàn Qu c gi m m nh nh t trong nhóm 10 th tr ng NK tôm hàng u c a Vi t Nam, v i giá tr t **47,4 tri u USD, gi m 24,4%** so v i cùng k n m ngoái.

Trung Qu c v t qua EU lên v trí th 3 v NK tôm Vi t Nam

- N m tháng u n m 2013, XK tôm sang Trung Qu c t ng tr ng kh quan v i **19,1%** và th tr ng này ã v t qua EU tr thành th tr ng tiêu th tôm l n th 3 c a Vi t Nam.

- N m 2013, Trung Qu c c ánh giá là m t trong nh ng “ u ra” quan tr ng cho tôm Vi t Nam b i XK sang nhi u th tr ng l n nh M , Nh t B n hay EU g p khó kh n.
- S n l ng tôm nuôi c a Trung Qu c gi m do n c này c ng ph i i m t v i d ch b nh và H i ch ng tôm ch t s m (EMS). Ngu n nguyên li u trong nu c thi u h t khi n n c này gia t ng NK m b o nhu c u tiêu th trong n c c ng nh ngu n nguyên li u cho ch bi n.

3. D báo

XK tôm c a Vi t Nam 6 tháng u n m c t trên **1,031 t USD, t ng 1,5%** so v i cùng k n m 2012. Theo ó, **d báo** m t s th tr ng chính nh sau:

Xu t kh u sang M khó t ng tr ng kh quan trong quý II&III

Quy t nh s b c a B Th ng m i M v thu ch ng tr c p (CVD) i v i tôm NK t 7 n c, trong ó Vi t Nam ch u m c thu cao 6,07% ã, ang và s t o tâm lý n ng n lên các nhà XK tôm trong nu c c ng nh các nhà NK tôm M .

Phán quy t cu i cùng s c a ra vào gi a tháng 8 t i tuy nhiên nhi u kh n ng tôm Vi t Nam XK sang M s cùng lúc ch u 2 lo i thu (thu CBPG và thu CVD).

Ecuador và Indonesia là 2 nu c c k t lu n s b không có tr c p t phía chính ph cho ngành tôm. Y u t này s góp ph n t o à cho 2 n c y m nh XK tôm sang M trong khi các n c khác g p tr ng i.

Xu t kh u tôm sang Nh t B n n nh h n nh ng không t ng m nh

Nhu c u NK t ng lên theo chu k hàng n m c ng v i ngu n d tr th p do h n ch NK tôm t Vi t Nam và n s giúp gia t ng XK tôm sang Nh t B n trong quý II&III.

Tuy nhiên, chính sách gi m giá ng Yên so v i ng USD c a Nh t B n ã và ang gây nhi u khó kh n cho NK và tiêu th tôm n c này. Tính n cu i tháng 5, t giá Yên/USD v n ng trên m c 90 Yên/USD. Bên c nh ó, quy nh ki m tra Ethoxyquin v n ti p t c c n tr NK tôm Vi t Nam v ào n c này. D báo XK tôm Vi t Nam trong quý II và III ch gi m c t ng nh , t 1-3% so v i cùng k n m 2012.

Xu t kh u tôm sang EU s ti p t c m m

XK tôm Vi t Nam sang th tr ng này trong quý II & III khó c i thi n do tình hình kinh t t i khu v c này ch a có d u hi u ph c h i và d báo s ti p t c duy trì m c t ng tr ng âm 2 con s .

IV. S NXU TVÀ XU T KH U H I S N

c tính 5 tháng u n m 2013, t ng kim ng ch XK h i s n t **777,8 tri u USD, gi m 21,49%** so v i cùng k n m tr c. Nh v y, sang quý II/2013, XK nhóm m t hàng này v n ti p à gi m sút cho dù t c ã ch m h n, XK v ng p r t nhi u khó kh n.

Trong c c u h i s n XK, giá tr m t hàng nhuy n th hai m nh v t ng nh 1,3%; XK cá ng t ng m nh nh t 10,2%. Các s n ph m còn l i gi m m nh: m c, b ch tu c gi m 25,2%; ch cá và surimi gi m 9,5%; cua gh và giáp xác khác gi m 16,9% so v i cùng k n m tr c.

1. S n l ng khai thác t ng, giá h i s n nguyên li u gi m

Theo th ng kê c a B NN và PTNT, t ng s n l ng khai thác th y s n 5 tháng u n m c t 1.087 nghìn t n, t ng 2,6% so v i cùng k n m 2012, trong ó khai thác h i s n c t **1.020 nghìn t n, t ng 2,4 %**.

S n l ng khai thác t ng nh ng giá bán nguyên li u gi m, c bi t là cá ng . T trung tu n tháng 3/2013, giá cá ng lo i dùng ánh sáng k t h p câu tay ã gi m m nh do nh h ng n ch t l ng cá. T i Khánh Hòa, n m 2012, giá cá ng nguyên li u dao ng m c 150.000 - 170.000 ng/kg nh ng cu i tháng 3 n m nay, giá cá ng gi m còn 50.000 - 55.000 ng/kg. ây là m c giá th p k l c t 10 n m tr l i ây.

2. Xu t kh u h i s ng i m m nh h n so v i d oán

Cá ng : XK t ng m nh nh t trong nhóm h i s n. c tính n h t tháng 5/2013, s n ph m cá ng Vi t Nam ã c XK i 67 qu c gia và vùng lãnh th , t giá tr **251,2 tri u USD, t ng 10,2%** so v i cùng k n m 2012.

Trong s 10 th tr ng l n NK cá ng Vi t Nam, th tr ng M có chi u h ng ch ng l i, gi m 2,7%; Nh t B n c ng gi m 16,3%. c 5 tháng u n m nay, XK cá ng sang EU t ng m nh 43,4%; sang ASEAN t ng 29,5%; sang Israel t ng 58,6%; Canada t ng 28,4%; Tunisia t ng 99%; Mexico t ng 131,6%...

Cá bi n khác: XK các lo i cá bi n khác gi m m nh h n d báo. n h t tháng 5/2013, XK cá bi n các lo i có giá tr ng th 2 sau cá ng , c t **231,3 tri u USD, t ng g n 4%** so v i cùng k n m tr c.

Nhuy n th : XK gi m vì th tr ng tiêu th kém. n h t tháng 5/2013, giá tr XK 2 nhóm m t hàng m c, b ch tu c và nhuy n th 2 m nh v chi m g n 90% t ng giá tr XK nhuy n th . Giá tr XK nhuy n th chung c t **185,9 tri u USD, gi m 21,5%** so v i cùng k n m tr c. S th tr ng NK nhuy n th t ng thêm 4 th tr ng, t 52 lên 56 qu c gia và vùng lãnh th .

* **M c, b ch tu c**: Tính n h t tháng 5/2013, XK m c, b ch tu c c t 153,5 tri u USD, gi m 25,2% so v i cùng k n m 2012. Trong quý u n m, có t i 2 tháng XK m c, b ch tu c gi m sâu. Nhu c u t i các n c NK chính nh Hàn Qu c, Nh t B n và EU gi m liên t c t 15-42% so v i quý I/2012. B c sang quý II/2013, trong 2 tháng 4 và 5/2013, giá tr XK gi m l n l t 24,6% và 31,3% so v i cùng k n m tr c.

XK sang các th tr ng Châu Á nh Thái Lan, Trung Qu c và ài Loan t ng khá và m nh t 5 - 75% so v i cùng k n m tr c, trong khi XK sang Hàn Qu c gi m 19,9%; Nh t B n gi m 23,2%; EU gi m 41,3%; Nga gi m 24,3%.

* **Nhuy n th hai m nh v** : c tính n h t tháng 5/2013, XK nhuy n th hai m nh v t **31,7 tri u USD, t ng 1,3%** so v i cùng k n m 2012.

XK sang 3 th tr ng NK l n là EU, Nh t B n và M t ng tr ng m nh kho ng 19 - 70% v giá tr so v i quý I/2012, trong ó XK sang EU t ng i kh quan, nh t là 3 th tr ng n l là Tây Ban Nha, B ào Nha và Italia, v i giá tr XK t ng t 5 - 120% so v i cùng k n m 2012.

XK sang các th tr ng khác ch ng l i, riêng XK sang Australia và Canada gi m 5 - 90% so v i cùng k n m tr c.

Ch cá và surimi - Cua gh và giáp xác khác

XK h i s n 5 tháng u n m 2013 (tri u USD)		
S n ph m	5 tháng u n m 2013	So v i cùng k n m 2012
Cá bi n khác		
Cá ng	251,252	+10,2
M c và b ch tu c	153,500	-25,2
Ch cá và surimi	91,839	-9,5
Cua gh & giáp xác		-16,9
Nhuy n th HMV	31,786	+1,3
T ng	777,849	21,49

* Ch cá và surimi: Tính n h t tháng 5/2013, XK ch cá và surimi c t **91,5 tri u USD, gi m 9,5%** so v i cùng k n m tr c. Hi n nay, 3 th tr ng l n nh t tiêu th ch cá và surimi c a Vi t Nam là Hàn Qu c, Nh t B n và ASEAN chi m n 73,3% t ng giá tr XK. Châu Á c ánh giá là khu v c th tr ng ti m n ng c a DN XK ch cá và surimi trong n m 2013 do các th tr ng NK l n nh M và EU ang g p khó kh n do tiêu th ch m.

* Cua gh và giáp xác khác: Tính n h t tháng 5/2013, giá tr XK cua gh và giáp xác khác t **27,6 tri u USD, gi m 16,9%** so v i quý I/2013.

Trong 3 tháng u n m 2013, XK cua gh và giáp xác khác sang M , Hàn Qu c, ASEAN, Trung Qu c gi m t 6 - 45% so v i cùng k n m tr c. Ng c l i, XK sang EU t ng i kh quan, m c t ng tr ng trung bình v giá tr XK t kho ng 20 - 25% so v i quý I/2012. Ti p ó, hai tháng 4 và 5/2013, XK cua gh ti p t c gi m giá tr XK t 17,8 - 41,3% so v i cùng k n m tr c.

Khó kh n l n nh t c a DN XK cua gh và giáp xác khác là thi u ngu n nguyên li u trong n c cho ch bi n, XK.

3. D báo

D báo t ng XK h i s n 6 tháng t kho ng **1 t USD, t ng 1,2%** so v i cùng k n m ngoái, trong ó cá bi n c t 275 tri u USD, gi m 1%; cá ng 305 tri u USD, t ng 6,5%; m c - b ch tu c 245 tri u USD, gi m 2%, ch cá - surimi 125 tri u USD, gi m 1,5%; nhuy n th 2 m nh v kho ng 40 tri u USD, t ng 5%; cua - gh t 45 tri u USD, t ng 0,5%.